

Số: 185 /XN - KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 0127.22



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
Tên mẫu : NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ)
Lượng mẫu : 01 bình x 10L + 1,5L + 250mL
Ngày lấy mẫu : 10/05/2022
Ngày nhận mẫu : 10/05/2022
Địa điểm lấy mẫu : Trạm cấp nước Phong Năm, xã Phong Năm, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng..
Người lấy mẫu : Nguyễn Kinh Luân
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L, cal nhựa 10L và chai thủy tinh 250mL, không bổ sung hoá chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliforms tổng số (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	< 3	11/05/2022
2	Escherichia coli (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	< 1	11/05/2022
3	Arsenic	Phản ứng màu Mercury (II) bromeide	0,00	0,01	11/05/2022
4	Clo dư tự do (mg/L)	TCVN 6225-2:2017	0,34	0,2 - 1,0	11/05/2022
5	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130 B - 2017	0,08	2	11/05/2022
6	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120 C - 2017 (*)	3,77	15	11/05/2022
7	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	11/05/2022
8	pH	TCVN 6492:2011 (*)	7,33	6,0 - 8,5	11/05/2022

9	Staphylococcus aureus	SMEWW 9213 B - 2017	0	< 1	11/05/2022
10	Pseudomonas aeruginosa	ISO 16266-2:2006 (*)	0	< 1	11/05/2022
11	Amoni (mg/L)	US - EPA - 350.2 - 1997	0,17	0,3	11/05/2022
12	Antimon (Sb)	HD.PP.21/TT.AAS:2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/l	≤ 0,02 mg/l	16/05/2022
13	Bari (Ba)	HD.PP.21/TT.AAS:2021 (*) (**)	0,075 mg/l	≤ 0,7 mg/l	16/05/2022
14	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	HD.PP.21/TT.AAS:2021 (*) (**)	0,113 mg/l	≤ 0,3 mg/l	16/05/2022
15	Cadimi (Cd)	SMEWW 3125B-2017 (*) (**)	< MLOQ = 0,001 mg/l	≤ 0,003 mg/l	18/05/2022
16	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B-2017 (*) (**)	< MLOQ = 0,001 mg/l	≤ 0,01 mg/l	18/05/2022
17	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,56	2	11/05/2022
18	Clorua (mg/L)	SMEWW 4500 -Cl ⁻ - B - 2017 (*)	50,00	250,00	11/05/2022
19	Crom tổng (Cr)	SMEWW 3120 B - 2017 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/l	≤ 0,05 mg/l	13/05/2022
20	Đồng (Cu)	SMEWW 3120 B - 2017 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,020 mg/L	≤ 1,00 mg/L	13/05/2022
21	Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	SMEWW 2340 C - 2017 (*)	124,00	300,00	11/05/2022
22	Florua (F ⁻)	HD.PP.83/KXN.LH:2020 (Ref. Method 300.1, EPA - 1999 (*) (**))	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/L	≤ 1,5 mg/L	13/05/2022
23	Kẽm (Zn)	SMEWW 3120 B - 2017 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,020 mg/l	≤ 2 mg/l	13/05/2022
24	Mangan tổng số (mg/L)	SMEWW 3500 Mn - B - 2017 (*)	Không phát hiện	0,1	11/05/2022
25	Natri (Na)	HD.PP.21/TT.AAS: 2021 (*) (**)	96,5 mg/l	≤ 200 mg/L	16/05/2022
26	Nhôm (Al)	SMEWW 3120 B - 2017 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,020 mg/l	≤ 0,2 mg/l	13/05/2022

27	Nickel (Ni)	HD.PP.21/TT.AAS :2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,004 mg/l	≤ 0,07 mg/l	16/05/2022
28	Nitrite (mg/L)	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ B - 2017	Không phát hiện	0,05	11/05/2022
29	Nitrate (mg/L)	TCVN 6180- 1996	0,69	2	11/05/2022
30	Sắt tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500 Fe - B - 2017	0,11	0,3	11/05/2022
31	Selen (Se)	HD.PP.21/TT.AAS :2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,0003 mg/l	≤ 0,01 mg/l	16/05/2022
32	Sulphat (mg/L)	EPA 1997 - 375.4	221,4	250	11/05/2022
33	Sulfua	SMEWW 4500 - S2 - D - 2017 (**)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/l	≤ 0,05 mg/l	12/05/2022
34	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.21/TT.AAS :2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,00008 mg/l	≤ 0,001 mg/l	16/05/2022
35	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C - 2017 (*) (**)	533,58 mg/l	≤ 1000 mg/l	16/05/2022
36	Cyanua (CN ⁻)	SMEWW 4500 - CN ⁻ E - 2017 (**)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/l	≤ 0,05 mg/l	13/05/2022
37	1,1,1 - Tricloroetan	HD.PP.62/KXN.LH:03,2021 (Ref. EPA 524.2) (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 1,00 µg/l	≤ 2000 µg/l	15/05/2022
38	1,2 Dicloroetan	HD.PP.62/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 5,00 µg/l	≤ 30 µg/l	15/05/2022
39	1,2- Dicloroeten	HD.PP.62/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 5,00 µg/l	≤ 50 µg/l	15/05/2022
40	Cacbon tetraclorea CCl ₄	HD.PP.62/KXN.LH:03,2021 (Ref. EPA 524.2) (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,10 µg/l	≤ 2 µg/l	15/05/2022
41	Diclorometan CH ₂ Cl ₂	HD.PP.62/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 5,00 µg/l	≤ 20 µg/l	15/05/2022
42	Tetracloroeten	HD.PP.62/KXN.LH:03,2021 (Ref. EPA 524.2) (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 1,00 µg/l	≤ 40 µg/l	15/05/2022
43	Trichloroeten	HD.PP.62/KXN.LH:03,2021 (Ref. EPA 524.2) (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 1,00 µg/l	≤ 20 µg/l	15/05/2022
44	Vinyl clorua	HD.PP.62/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 0,10 µg/l	≤ 0,3 µg/l	18/05/2022
45	Benzen	HD.PP.78/TT.SK:2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/l	≤ 10 µg/l	13/05/2022

46	Etylbenzen	HD.PP.78/TT.SK:2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/l	≤ 300 µg/l	13/05/2022
47	Phenol & dẫn xuất của phenol (4 - Chloro-3-methylphenol; 2-Chlorophenol; 2,4-Dichlorophenol; 2,4-Dimethylphenol; 2-Nitrophenol; 2,4,6-Trichlorophenol)	HD.PP.46/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 0,30 µg/l	≤ 1 µg/l	13/05/2022
48	Styren	HD.PP.78/TT.SK:2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	≤ 20 µg/l	13/05/2022
49	Toluen	HD.PP.78/TT.SK:2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	≤ 700 µg/l	13/05/2022
50	Xylen	HD.PP.78/TT.SK:2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	≤ 500 µg/l	13/05/2022
51	1,2 - Diclorobenzen	HD.PP.78/TT.SK:2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	≤ 1000 µg/l	13/05/2022
52	Monoclorobenzen	HD.PP.78/TT.SK:2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/l	≤ 300 µg/l	13/05/2022
53	Triclorobenzen	HD.PP.78/TT.SK:2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 1,5 µg/l	≤ 20 µg/l	13/05/2022
54	Acrylamide	HD.PP.111/TT.SK:2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,2 µg/l	< 0,5 µg/l	15/05/2022
55	Epichlorhydrin	HD.PP.62/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 0,20 µg/l	≤ 0,4 µg/l	18/05/2022
56	Hexachlorobutadien	HD.PP.62/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 0,20 µg/l	≤ 0,6 µg/l	15/05/2022
57	1,2 - Dibromo-3-chloropropane	HD.PP.62/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 0,10 µg/l	≤ 1 µg/l	15/05/2022
58	1,2 - Dichloropropane	HD.PP.62/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 5,00 µg/l	≤ 40 µg/l	15/05/2022
59	1,3 - Dichloropropene	HD.PP.62/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 5,00 µg/l	≤ 20 µg/l	15/05/2022
60	2,4 - D	HD.PP.47/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 1,50 µg/l	≤ 30 µg/l	17/05/2022
61	2,4 DB	HD.PP.47/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 6,00 µg/l	≤ 90 µg/L	17/05/2022
62	Alachlor	EPA 525.2 (**)	Không phát hiện MLOD = 0,01 µg/l	≤ 20 µg/l	17/05/2022

63	Aldicarb (HCBVTV nhóm carbamate)	HD.PP.32/TT.SK :2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/l	≤ 10 µg/l	16/05/2022
64	Atrazine và các dẫn xuất cloro-s-triazine	Ref. EPA 525.3 (**)	Không phát hiện MLOD = 1,00 µg/l	≤ 100 µg/l	17/05/2022
65	Carbofuran (HCBVTV nhóm carbamate)	HD.PP.32/TT.SK :2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/l	≤ 5 µg/l	16/05/2022
66	Chlorpyrifos	SMEWW 6630 B:2017 (*)	Không phát hiện MLOD = 0,01 µg/l	≤ 30 µg/l	17/05/2022
67	Clodan	SMEWW 6630 B:2017 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,01 µg/l	≤ 0,2 µg/l	17/05/2022
68	Clorotoluron	HD.PP.68/KXN.LH:03, 2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 1,50 µg/l	≤ 30 µg/l	17/05/2022
69	Cyanazine	Ref. EPA 525.3 (**)	Không phát hiện MLOD = 0,10 µg/l	≤ 0,6 µg/l	17/05/2022
70	DDT và các dẫn xuất	Ref.SMEWW 6630 B-2017 (**)	Không phát hiện MLOD = 0,01 µg/l	≤ 1 µg/L	17/05/2022
71	Dichlorprop	HD.PP.47/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 10,00 µg/l	≤ 100 µg/l	17/05/2022
72	Fenoprop	HD.PP.47/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 1,00 µg/l	≤ 9 µg/l	17/05/2022
73	Hydroxyatrazine	Ref. EPA 525.3 (**)	Không phát hiện MLOD = 50,00 µg/l	≤ 200 µg/l	17/05/2022
74	Isoproturon	HD.PP.68/KXN.LH:03, 2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 1,50 µg/l	≤ 9 µg/l	17/05/2022
75	MCPA	HD.PP.67/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 1,00 µg/l	≤ 2 µg/l	17/05/2022
76	Mecoprop	HD.PP.67/KXN.LH (**)	Không phát hiện MLOD = 1,00 µg/l	≤ 10 µg/l	17/05/2022
77	Methoxychlor (HCBVTV họ Chlor hữu cơ)	SMEWW 6630 B:2017 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,01 µg/l	≤ 20 µg/l	17/05/2022
78	Molinate	EPA 525.2 (**)	Không phát hiện MLOD = 0,50 µg/l	≤ 6 µg/l	17/05/2022
79	Pendimetalin	SMEWW 6630-B:2017 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,01 µg/l	≤ 20 µg/l	17/05/2022
80	Permethrin (họ Cúc tổng hợp)	HD.PP.32/TT.SK:2021(*) (**)	Không phát hiện MLOD = 5 µg/l	≤ 20 µg/l	16/05/2022
81	Propanil	HD.PP.68/KXN.LH:03, 2021 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 1,50 µg/l	≤ 20 µg/l	17/05/2022

82	Simazine	EPA 525.2 (**)	Không phát hiện MLOD = 0,50 µg/l	≤ 2 µg/l	17/05/2022
83	Trifuralin	SMEWW 6630-B:2017 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,01 µg/l	≤ 20 µg/l	17/05/2022
84	2,4,6 Triclorophenol (Nhóm DX Phenol)	HD.PP.46/KXN.LH:02, 2021 (Ref. EPA 604) (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 1,50 µg/l	≤ 200 µg/l	15/05/2022
85	Bromat	HD.PP.83-1/KXN.LH:04, 2021 (Ref. Method 300.1 EPA 1999) (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 3,00 µg/l	≤ 10µg/l	13/05/2022
86	Bromodiclorometa n	HD.PP.62/KXN.LH:03, 2021 (Ref. EPA 524.2) (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 1,00 µg/l	≤ 60 µg/l	15/05/2022
87	Bromoform	HD.PP.62/KXN.LH:03, 2021 (Ref. EPA 524.2) (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 1,00 µg/l	≤ 100 µg/l	15/05/2022
88	Cloroform	HD.PP.62/KXN.LH:03, 2021 (Ref. EPA 524.2) (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 1,00 µg/l	≤ 300 µg/l	15/05/2022
89	Dibromoaxetonitril	EPA 551.1 (**)	Không phát hiện MLOD = 10,00 µg/l	≤ 70 µg/l	14/05/2022
90	Dibromochloromet an	HD.PP.62/KXN.LH:03, 2021 (Ref. EPA 524.2) (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 1,00 µg/l	≤ 100 µg/l	15/05/2022
91	Dicloroaxetonitril	EPA 551.1 (**)	Không phát hiện MLOD = 10,00 µg/l	≤ 20 µg/l	14/05/2022
92	Axit dicloroaxetic	SMEWW 6251 B - 2017 (**)	Không phát hiện MLOD = 10,00 µg/l	≤ 50 µg/l	17/05/2022
93	Formaldehyde	HD.PP.48/KXN.LH:02, 2021 (Ref. EPA 8135A, SMEWW 6252 B: 2017) (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 30,00 µg/l	≤ 900 µg/l	17/05/2022
94	Monocloramin	SMEWW 4500 - Cl F -2017 (*) (**)	Không phát hiện MLOD = 0,05 µg/l	≤ 3,0 µg/L	13/05/2022
95	Monochloroacetic acid	Ref. SMEWW 6251 - 2017 (**)	Không phát hiện MLOD = 10,00 µg/l	≤ 20 µg/l	17/05/2022
96	Axit tricloaxetic	SMEWW 6251 B - 2017 (**)	Không phát hiện MLOD = 20,00 µg/l	≤ 200 µg/l	17/05/2022

97	Tricloroaxetonitril	EPA 551.1 (**)	Không phát hiện MLOD = 0,50 µg/l	≤ 1 µg/l	14/05/2022
98	Tổng hoạt độ α (Gross alpha)	ISO 10704:2009 (*) (**)	0,092 Bq/l	≤ 0,1 Bq/l	13/05/2022
99	Tổng hoạt độ β (Gross beta)	ISO 10704:2009 (*) (**)	0,330 Bq/l	≤ 1,0Bq/l	13/05/2022

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- (*) : Phép thử đã được công nhận phù hợp theo tiêu chuẩn ISO /IEC 17025:2017.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The method limit of detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The method limit of quantification.

- (**) Phương pháp thử do Viện Y tế công cộng TP. Hồ Chí Minh thực hiện.

Nhận xét : Mẫu NƯỚC NGÂM ĐẦU NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ) có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

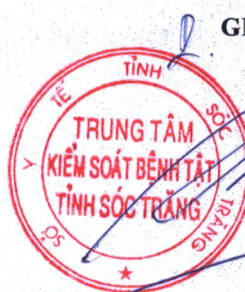
Sóc Trăng, ngày 02 tháng 6 năm 2022

P. TRƯỞNG KHOA XN CĐHA-TDCN



CN. PHAN MỘNG THIÊN KIỀU

GIÁM ĐỐC



BS. Nguyễn Đình Thanh Liêm

Số: 134 /XN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM
Mã số mẫu: 0128.22



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Người lấy mẫu : Nguyễn Kinh Luân
Địa điểm lấy mẫu : Nguyễn Thị Tươi, ấp Phong Thới, xã Phong Năm, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.
Ngày lấy mẫu : 10/5/2022
Tên mẫu : NƯỚC NGẦM GIỮA NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ)
Lượng mẫu : 1,5L + 250mL
Ngày nhận mẫu : 10/05/2022
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 250mL, không bổ sung hóa chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>Escherichia coli</i> (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	< 1	11/05/2022
2	<i>Coliforms tổng số</i> (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	< 3	11/05/2022
3	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2017	0,21	2	11/05/2022
4	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2017 (*)	2,97	15	11/05/2022
5	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	11/05/2022
6	pH	TCVN 6492:2011 (*)	7,33	6,0 - 8,5	11/05/2022
7	Clo dư tự do (mg/L)	TCVN 6225-2:2017	0,31	0,2 - 1,0	11/05/2022
8	Arsenic	Phản ứng màu Mercury (II) bromeide	0,00	0,01	11/05/2022

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM GIỮA NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ) được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XN CĐHA-TDCN

CN. PHAN MỘNG THIÊN KIỆU

Sóc Trăng, ngày 23 tháng 5 năm 2022

GIÁM ĐỐC



BS. Nguyễn Đình Thanh Liêm

Số: 135 /XN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM
Mã số mẫu: 0129.22



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Người lấy mẫu : Nguyễn Kinh Luân
Địa điểm lấy mẫu : Lê Văn Nhó, ấp Phong Thạnh, xã Phong Năm, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.
Ngày lấy mẫu : 10/5/2022
Tên mẫu : NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ)
Lượng mẫu : 1,5L + 250mL
Ngày nhận mẫu : 10/05/2022
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 250mL, không bổ sung hóa chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>Escherichia coli</i> (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	< 1	11/05/2022
2	<i>Coliforms tổng số</i> (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	< 3	11/05/2022
3	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2017	0,05	2	11/05/2022
4	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2017 (*)	3,66	15	11/05/2022
5	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	11/05/2022
6	pH	TCVN 6492:2011 (*)	7,43	6,0 - 8,5	11/05/2022
7	Clo dư tự do (mg/L)	TCVN 6225-2:2017	0,30	0,2 - 1,0	11/05/2022
8	Arsenic	Phản ứng màu Mercury (II) bromeide	0,00	0,01	11/05/2022

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ) được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

P. TRƯỞNG KHOA XN CĐHA-TDCN

CN. PHAN MỘNG THIÊN KIỀU

Sóc Trăng, ngày 23 tháng 5 năm 2022

GIÁM ĐỐC



BS. Nguyễn Đình Thanh Liêm